

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NGÔN NGỮ QUỐC TẾ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH VIỆT NAM HỌC
(Áp dụng từ năm học 2019 - 2020)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Phê duyệt theo Quyết định số: 125 /QĐ-HIU ngày 08 tháng 8 năm 2019*
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **VIỆT NAM HỌC**

Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo : **VIỆT NAM HỌC**

Mã ngành : **7310630**

Loại hình đào tạo : **CHÍNH QUY**

Đối tượng học: : **NGƯỜI VIỆT**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân Việt Nam học có kiến thức chuyên môn và kỹ năng vững vàng; có tinh thần cộng đồng, tinh thần, thái độ phục vụ tốt đáp ứng yêu cầu của công việc.

Chương trình trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên; kiến thức chuyên sâu, hiện đại về đất nước, con người Việt Nam; khả năng sử dụng 1 trong 4 ngoại ngữ (Anh, Nhật, Hàn, Trung) ở trình độ trung cấp (B1).

1.2. Chuẩn đầu ra:

❖ Kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp:

- Có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn; có kiến thức tổng quát về thế giới, Châu Á và ASEAN.
- Có kiến thức sâu về đất nước, con người, văn hoá Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.
- Có kiến thức cơ bản về Việt ngữ học.
- Có đầy đủ kiến thức cần thiết để giảng dạy, nghiên cứu và tư vấn về Việt Nam học và những vấn đề liên quan đến Việt Nam.

❖ **Năng lực tư duy:**

- Sinh viên có khả năng tư duy hệ thống và đánh giá các dữ liệu thông tin đa chiều, có khả năng đọc hiểu, khái quát, tổng hợp vấn đề.
- Sinh viên có khả năng xây dựng các lập luận hợp lý và đưa ra các nhận xét mang tính khách quan.
- Sinh viên có khả năng tự học suốt đời.

❖ **Kỹ năng:**

- Có kỹ năng về nghiệp vụ thư ký văn phòng, nghiệp vụ ngoại giao, truyền thông...
- Có thể sử dụng 1 trong 4 ngoại ngữ (Anh, Nhật, Hàn, Trung) ở trình độ trung cấp (B1)
- Áp dụng được những kiến thức cơ bản, hiện đại về Việt Nam học vào việc xử lý những vấn đề của thực tiễn nghề nghiệp.
- Có khả năng giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài
- Có kỹ năng giao tiếp xã hội hiệu quả.
- Có kỹ năng làm việc nhóm.
- Có khả năng tư vấn về Việt Nam học.

❖ **Thái độ:**

- Có đạo đức tốt, trung thực, cuộc sống lành mạnh.
- Có ý thức và trách nhiệm với cộng đồng.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật.
- Có tinh thần hợp tác.
- Có trách nhiệm với công việc.

❖ **Vị trí sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Việt Nam học có đủ năng lực để:

- Làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, công ty du lịch, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ ở trong và ngoài nước về những công việc có liên quan đến Việt Nam;
- Làm chuyên gia tư vấn Việt Nam học cho các đối tượng trong và ngoài nước có nhu cầu hiểu biết về Việt Nam.
- Giảng dạy, nghiên cứu Việt Nam học trong các cơ quan giáo dục và nghiên cứu.
- Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.

❖ **Cơ hội học tập nâng cao trình độ:**



Cử nhân ngành Việt Nam học có thể tiếp tục học bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) chuyên ngành Việt Nam học hoặc các ngành khoa học xã hội, nhân văn khác như Ngôn ngữ học, Văn hoá học, Lịch sử Việt Nam, Nhân học,...

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (chưa tính TC GDQP&AN và GDTC)

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2014/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

6. Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2014/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
7.1 KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			38	
7.1.1. Giáo dục quốc phòng			8	
1	02309	LT- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5(5,0,10)	
2	02310	TH- Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3 (0,3,3)	
7.1.2. Giáo dục thể chất			3	
3	00044	Giáo dục thể chất 1(*)	1(0,1,1)	
4	00045	Giáo dục thể chất 2 (*)	1(0,1,1)	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
5	03066	Giáo dục thể chất 3 (*)	1(0,1,1)	
7.1.3. Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh			11	
6	05068	Triết học Mác - Lenin	3(3,0,6)	
7	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lenin	2(2,0,4)	
8	05970	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
9	05071	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2(2,0,4)	
10	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
7.1.4. Tin học			2	
11	00008	Tin học đại cương	2(2,0,4)	
7.1.5. Khoa học xã hội			5	
12	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
13	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
7.1.6. Khoa học xã hội tự chọn			4	
14	04409	Chính sách đối ngoại VN	2(1,1,3)	
15	04412	Toàn cầu hóa	2(1,1,3)	
16	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2(1,1,3)	
17	03238	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1,1,3)	
18	04185	Phương pháp học đại học	2(1,1,3)	
19	04184	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)	
7.1.7. Ngoại ngữ: (Sinh viên chọn 1 trong 4 ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Nhật Bản, Tiếng Trung Quốc).			16	
Tiếng Anh				
20	04273	Nghe – Nói 1	2 (1,1,3)	
21	04278	Đọc hiểu 1	2 (1,1,3)	
22	04283	Viết 1	2 (1,1,3)	
23	04287	Ngữ pháp 1	2 (1,1,3)	
24	04274	Nghe – Nói 2	2 (1,1,3)	

V A
 NG
 HỌC
 C TẾ
 BÀNG

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
25	04279	Đọc hiểu 2	2 (1,1,3)	
26	04284	Viết 2	2 (1,1,3)	
27	04288	Ngữ pháp 2	2 (1,1,3)	
Tiếng Hàn				
28	04188	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3(2,1,5)	
29	04189	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3(2,1,5)	
30	04190	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2(1,1,3)	
31	04191	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3(2,1,5)	
32	04192	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3(2.1.5)	
33	04193	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2(1,1,3,)	
Tiếng Trung				
34	04369	Nghe nói tiếng Trung sơ cấp 1	3(2,1,5)	
35	04370	Viết tiếng Trung sơ cấp 1	3(2,1,5)	
36	04371	Đọc hiểu tiếng Trung sơ cấp 1	2(1,1,3)	
37	04372	Nghe nói tiếng Trung sơ cấp 2	3(2,1,5)	
38	04373	Viết tiếng Trung sơ cấp 2	3(2,1,5)	
39	04374	Đọc hiểu tiếng Trung sơ cấp 2	2(1,1,3)	
Tiếng Nhật				
40	04233	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 1	2(1,1,3)	
41	04234	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 1	3(2,1,5)	
42	04235	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 1	3(2,1,5)	
43	04236	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 2	2(1,1,3)	

BẢO TÀ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
44	04237	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 2	3(2,1,5)	
45	04238	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 2	3(2,1,5)	
7.2 KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			97	
7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành			27	
7.2.1.1 Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			15	
1	04432	Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học	3(3,0,6)	
2	04433	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3(3,0,6)	
3	05400	Hán – nôm cơ sở	3(3,0,6)	
4	03394	Địa lý Việt Nam tự nhiên, nhân văn và kinh tế	3(3,0,6)	
5	05401	Dẫn luận ngôn ngữ	3(3,0,6)	
7.2.2 Chuyên đề bổ trợ			12	
7.2.2.1 Bổ trợ nghiệp vụ bắt buộc			10	
6	03402	Tổ chức sự kiện	2(1,1,3)	
7	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1,3)	
8	04222	Nghiệp vụ du lịch	2(1,1,3)	
9	04440	Nghiệp vụ giảng dạy	2(1,1,3)	
10	03290	Quan hệ công chúng	2(1,1,3)	
7.2.2.2 Bổ trợ nghiệp vụ tự chọn			2	
11	03417	Quản lý văn hóa	2(1,1,3)	
12	04187	Giao tiếp văn hóa	2(1,1,3)	
13	04218	Đàm phán quốc tế	2(1,1,3)	
14	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2(1,1,3)	
7.2.3 Kiến thức chuyên ngành			70	
7.2.3.1 Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			60	
1.	03428	Việt Nam trong xu thế hội nhập Quốc tế	3(3.0.6)	
2.	05402	Đô thị Việt nam	3(3.0.6)	
3.	03409	Hệ thống chính trị Việt Nam	3(3.0.6)	



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b), song hành (c)
4.	05403	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3(3.0.6)	
5.	01602	Phong tục và lễ hội Việt Nam	3(3.0.6)	
6.	05404	Văn học dân gian Việt Nam	3(3.0.6)	
7.	05405	Văn học hiện đại Việt Nam	3(3.0.6)	
8.	05406	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam	3(3.0.6)	
9.	05407	Các loại hình nghệ thuật biểu diễn Việt Nam	3(3.0.6)	
10.	05408	Kiến trúc Việt Nam	3(3.0.6)	
11.	03420	Kinh tế Việt Nam	3(3.0.6)	
12.	05409	Ngữ pháp tiếng Việt	3(3.0.6)	
13.	03407	Các dân tộc Việt nam	3(3.0.6)	
14.	05410	Ẩm thực Việt Nam	3(3.0.6)	
15.	05411	Khu vực ASEAN	3(3.0.6)	
16.	05412	Di sản văn hóa Việt Nam	3(3.0.6)	
17.	05413	Lịch sử biên cương và các lãnh thổ Việt Nam	3(3.0.6)	
18.	05414	Du lịch Việt Nam	3(3.0.6)	
19.	05415	Lịch sử tiếng Việt	3(3.0.6)	
20.	05416	Văn hóa dân gian Việt Nam	3(3.0.6)	
7.2.3.2 Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện -điểm trung bình từ 8.0 trở lên)			10	
1	04303	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4,4)	
2	04214	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6(0,6,6)	
Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp			6	
2.A	04782	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt	3(3,0,6)	
2.B	04781	Văn hóa ứng xử Việt Nam	3(3,0,6)	
Tổng cộng toàn khóa			135	

8. Khung chương trình

8.1 Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	MÔN	Số TC	Ghi chú
HỌC KỲ 1			17	
1.	04808	Tư duy biện luận	3(3,0,6)	
2.	04432	Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học	3(3,0,6)	
3.	04433	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3(3,0,6)	
Học phần ngoại ngữ tự chọn				
Tiếng Anh			8	
4.	04273	Nghe – Nói 1	2 (1,1,3)	
5.	04278	Đọc hiểu 1	2 (1,1,3)	
6.	04283	Viết 1	2 (1,1,3)	
7.	04287	Ngữ pháp 1	2 (1,1,3)	
Tiếng Hàn quốc			8	
1.	04188	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3(2,1,5)	
2.	04189	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3(2,1,5)	
3.	04190	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2(1,1,3)	
Tiếng Trung quốc			8	
1.	04369	Nghe nói tiếng Trung sơ cấp 1	3(2,1,5)	
2.	04370	Viết tiếng Trung sơ cấp 1	3(2,1,5)	
3.	04371	Đọc hiểu tiếng Trung sơ cấp 1	2(1,1,3)	
Tiếng Nhật bản			8	
1.	04233	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 1	2(1,1,3)	
2.	04234	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 1	3(2,1,5)	
3.	04235	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 1	3(2,1,5)	
HỌC KỲ 2			18	
1.	05400	Hán – nôm cơ sở	3(3,0,6)	
2.	03394	Địa lý Việt Nam tự nhiên, nhân văn và kinh tế	3(3,0,6)	
3.	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(1,1,3)	
4.	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)			
5.	04180	Lịch sử văn minh thế giới	2(1,1,3)	

STT	Mã HP	MÔN	Số TC	Ghi chú
6.	04185	Phương pháp học đại học	2(1,1,3)	
7.	04184	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)	
Học phần ngoại ngữ tự chọn				
Tiếng Anh			8	
8.	04274	Nghe – Nói 2	2 (1,1,3)	
9.	04279	Đọc hiểu 2	2 (1,1,3)	
10.	04284	Viết 2	2 (1,1,3)	
11.	04288	Ngữ pháp 2	2 (1,1,3)	
Tiếng Hàn quốc			8	
4.	04191	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3(2,1,5)	
5.	04192	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3(2.1.5)	
6.	04193	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2(1,1,3,)	
Tiếng Trung quốc			8	
4.	04372	Nghe nói tiếng Trung sơ cấp 2	3(2,1,5)	
5.	04373	Viết tiếng Trung sơ cấp 2	3(2,1,5)	
6.	04374	Đọc hiểu tiếng Trung sơ cấp 2	2(1,1,3)	
Tiếng Nhật bản			8	
4.	04236	Nghe nói tiếng Nhật sơ cấp 2	2(1,1,3)	
5.	04237	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 2	3(2,1,5)	
6.	04238	Đọc viết tiếng Nhật sơ cấp 2	3(2,1,5)	
HỌC KỲ HÈ 1				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 3			18	
1.	00008	Tin học đại cương	2(2,0,4)	
2.	05401	Dẫn luận ngôn ngữ	3(3,0,6)	
3.	05415	Lịch sử tiếng Việt	3(3.0.6)	
4.	05402	Đô thị Việt nam	3(3.0.6)	
5.	03407	Các dân tộc Việt nam	3(3.0.6)	

STT	Mã HP	MÔN	Số TC	Ghi chú
6.	03290	Quan hệ công chúng	2(1,1,3)	
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3)				
7.	03238	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1,1,3)	
8.	04409	Chính sách đối ngoại VN	2(1,1,3)	
9.	04412	Toàn cầu hóa	2(1,1,3)	
HỌC KỲ 4			16	
1.	00042	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	
2.	03409	Hệ thống chính trị Việt Nam	3(3.0.6)	
3.	05403	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3(3.0.6)	
4.	01602	Phong tục và lễ hội Việt Nam	3(3.0.6)	
5.	05414	Du lịch Việt Nam	3(3.0.6)	
6.	03402	Tổ chức sự kiện	2(1,1,3)	
HỌC KỲ HÈ 2				
Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ...				
HỌC KỲ 5			17	
1.	05068	Triết học Mác - Lenin	3(3,0,6)	
2.	03428	Việt Nam trong xu thế hội nhập Quốc tế	3(3.0.6)	
3.	05406	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam	3(3.0.6)	
4.	05408	Kiến trúc Việt Nam	3(3.0.6)	
5.	03420	Kinh tế Việt Nam	3(3.0.6)	
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4 môn)			2	
6.	03417	Quản lý văn hóa	2(1,1,3)	
7.	04217	Nghiệp vụ ngoại giao	2(1,1,3)	
8.	04187	Giao tiếp văn hóa	2(1,1,3)	
9.	04218	Đàm phán quốc tế	2(1,1,3)	
HỌC KỲ 6			17	
1.	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lenin	2(2,0,4)	
2.	05970	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	

STT	Mã HP	MÔN	Số TC	Ghi chú
3.	04222	Nghiệp vụ du lịch	2(1,1,3)	
4.	05411	Khu vực ASEAN	3(3.0.6)	
5.	05412	Di sản văn hóa Việt Nam	3(3.0.6)	
6.	05409	Ngữ pháp tiếng Việt	3(3.0.6)	
7.	04440	Nghiệp vụ giảng dạy	2(1,1,3)	
HỌC KỲ 7			16	
1.	05071	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2(2,0,4)	
2.	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
3.	05416	Văn hóa dân gian Việt Nam	3(3.0.6)	
4.	05410	Âm thực Việt Nam	3(3.0.6)	
5.	05404	Văn học dân gian Việt Nam	3(3.0.6)	
6.	05407	Các loại hình nghệ thuật biểu diễn Việt Nam	3(3.0.6)	
HỌC KỲ 8			16	
1.	05413	Lịch sử biên cương và các lãnh thổ Việt Nam	3(3.0.6)	
2.	05405	Văn học hiện đại Việt Nam	3(3.0.6)	
3.	04303	Thực tập tốt nghiệp	4(0,4,4)	
4.	04214	Khóa luận tốt nghiệp (<i>có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên</i>)	6(0,6,6)	
Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp				
1.	04782	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt	3(3,0,6)	
2.	04781	Văn hóa ứng xử Việt Nam	3(3,0,6)	
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			135	

Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.
- Các học kỳ hè: các Khoa, Viện chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt....

8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:

- Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518./QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 435/2015/QĐ-DHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

❖ Yêu cầu đối với sinh viên và giảng viên ngành Việt Nam học

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội và Ngôn ngữ Quốc tế - Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.

- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.

- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: Lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.

- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.

- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ theo quy chế đào tạo của trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

9. Mô tả vắn tắt và đề cương chi tiết các học phần

❖ Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về bản chất của các hiện tượng tâm lí người; sự hình thành phát triển tâm lí, ý thức; các quá trình nhận thức; trí nhớ;

ngôn ngữ; các phẩm chất và thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách; các con đường hình thành và phát triển tâm lí và hiện tượng lệch chuẩn trong nhân cách.

Trang bị cho sinh viên nhận thức khoa học về các yếu tố tạo nên bản chất tâm lí người, các quá trình hình thành, phát triển mang tính quy luật của các hiện tượng tâm lí, các phẩm chất và thuộc tính tâm lí nổi bật, các con đường hình thành và phát triển nhân cách và các yếu tố tác động đến quá trình lệch chuẩn ở mỗi người; hình thành cho sinh viên thái độ sống tích cực, chủ động, sáng tạo. Trên cơ sở kiến thức, thái độ đó, sinh viên có năng lực làm chủ cảm xúc của bản thân, có năng lực phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lí người trong từng hoàn cảnh cụ thể.

❖ **Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học**

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về khu vực học, sự hình thành và phát triển khu vực học, vai trò của việc nghiên cứu khu vực học trong sự phát triển của khoa học hiện nay, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khu vực học.

Cung cấp những lý thuyết cơ bản về Việt Nam học, sự hình thành và phát triển của ngành Việt Nam học, vai trò của việc nghiên cứu Việt Nam học trong sự phát triển của xã hội hiện nay.

❖ **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Môn học cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; giúp SV nắm được các thao tác nghiên cứu khoa học biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Từ đó, giúp sinh viên nắm được phương pháp trình bày một bài báo cáo khoa học, có thể thực hiện được công trình khoa học.

❖ **Phương pháp học đại học**

Giúp sinh viên làm quen với môi trường đại học với những phương pháp học mang tính độc lập, thiết lập được kế hoạch phát triển bản thân, định hướng tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng qua các câu lạc bộ.

❖ **Lịch sử văn minh thế giới**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

❖ **Cơ sở văn hóa Việt Nam**

C
L
H
C
G
B
★

Những vấn đề cơ bản, cần thiết hình thành nền văn hóa của dân tộc Việt Nam (cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tư tưởng của người Việt Nam, các thành tố hình thành văn hóa (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội...)).

❖ **Tiếng Việt thực hành**

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về chính tả, cách viết hoa tiếng Việt, tiếng nước ngoài, dùng từ, cách sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, cách sửa lỗi về đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Qua đó, giúp SV có kỹ năng diễn đạt rõ ràng, chính xác một văn bản.

❖ **Tiến trình lịch sử Việt Nam**

Cung cấp những kiến thức tổng quát về quá trình phát triển chung của Việt Nam (đặc điểm nổi bật, xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam là công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước Việt Nam).

❖ **Địa lý Việt Nam tự nhiên, nhân văn và kinh tế**

Môn học trình bày những vấn đề cơ bản về địa lý của Việt Nam (khí hậu, địa hình, kinh tế,...); cho thấy địa lý Việt Nam và mối quan hệ với văn hóa, con người, đặc điểm dân cư, nguồn lao động của Việt Nam, sự phân bố các nguồn tài nguyên của Việt Nam.

❖ **Tư duy Biện Luận**

Cung cấp những kiến thức những khía cạnh khác nhau của vấn đề, giúp sinh viên nắm bắt, phân tích, phản biện vấn đề.

❖ **Dẫn luận ngôn ngữ**

Cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học (bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự xuất hiện của ngôn ngữ) và kiến thức về lịch sử ngôn ngữ.

❖ **Tổ chức sự kiện**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành tổ chức sự kiện nắm được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản nhất về tổ chức sự kiện; giúp SV hiểu biết được công việc, nhiệm vụ, vai trò của một người tổ chức sự kiện và môi trường làm việc trong lĩnh vực này

❖ **Quản lý văn hóa**

Cung cấp kiến thức cơ bản hệ thống về các thành tố và các bình diện của văn hoá; hiểu biết về công tác tổ chức, điều hành, quản lý, triển khai các chương trình thuộc lĩnh

V
A
NG
OC
TÉ
ANG
O

vực văn hóa nghệ thuật của các phòng, ban văn hóa, sở văn hóa – thể thao – du lịch, nhà văn hóa, bảo tàng...

❖ **Quan hệ công chúng**

Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng hiệu quả các công cụ PR truyền thống và hiện tại, phân tích ưu, nhược điểm và đánh giá việc sử dụng công cụ PR trong tình huống cụ thể. Giúp sinh viên nắm rõ mối liên hệ với PR, quảng cáo trong việc xây dựng hình ảnh, củng cố mối quan hệ giữa các cơ quan tổ chức với giới truyền thông và công chúng. Biết cách xây dựng chiến lược truyền thông PR ngắn hạn, trung hạn, dài hạn. Thực hành công tác PR nội bộ trong các doanh nghiệp hiện nay như: biên tập bản tin nội bộ, xây dựng website, biên tập nội dung cho website, viết bài advertorial và editorial. Biết cách quản trị truyền thông, dự báo, phòng ngừa và xử lý khủng hoảng.

❖ **Giao tiếp văn hóa**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phạm trù của văn hóa, phi ngôn ngữ trong các nền văn hóa, các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi của con người... để sinh viên xây dựng cho bản thân độ nhạy bén văn hóa như một năng lực bắt buộc trong môi trường làm việc toàn cầu để từ đó giúp cho sinh viên biết được tầm quan trọng của văn hóa được thể hiện trong giao tiếp.

❖ **Nghiệp vụ giảng dạy**

Trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản (cách thiết kế bài giảng, cấu trúc làm đề thi, phương pháp đánh giá và cho điểm...) về giảng dạy đại học cho các đối tượng.

❖ **Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế**

Môn học khái quát tình hình và quá trình hội nhập của thế giới hiện nay, tập trung vào vấn đề định nghĩa và xác định bản chất, nội hàm, các hình thức và tính chất của hội nhập quốc tế; cho thấy những lợi ích và cơ hội của Việt Nam khi hội nhập; phân tích tính tất yếu và hệ lụy của hội nhập quốc tế như là một xu thế lớn của thế giới hiện đại.

❖ **Hệ thống chính trị Việt Nam**

Các vấn đề về chính trị của Việt Nam hiện tại (tên nước Việt Nam, các chức danh lãnh đạo, các hình thức quản lý xã hội, hành chính của Việt Nam từ Trung ương đến địa phương).

❖ **Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam**



Khái niệm để phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng; tìm hiểu về các tôn giáo (Phật giáo, Tinh lành, Thiên Chúa giáo, Cao Đài...), tín ngưỡng ở Việt Nam (thờ cúng tổ tiên, thờ Tứ Bất Tử, thờ Thành Hoàng...); cơ sở để hình thành tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam; vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống tâm linh của người Việt.

❖ Phong tục và lễ hội Việt Nam

Cung cấp các khái niệm về phong tục và lễ hội đồng thời giới thiệu các lễ hội tiêu biểu ở ba miền của Việt Nam (thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng, lễ hội Nghinh Ông, lễ hội Chùa Hương, vía Bà Chúa Xứ...) và những phương pháp tiếp cận để có những định hướng tìm hiểu, nghiên cứu về sau.

❖ Văn học Việt Nam

Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về các thể loại văn học dân gian của Việt Nam tại các vùng văn hóa Việt Nam, cung cấp kiến thức lịch sử phát triển của các thể loại văn học dân gian, phân tích bản sắc văn hóa Việt Nam thể hiện qua văn học dân gian Việt Nam.

Chương trình cung cấp những kiến thức về lịch sử phát triển văn học hiện đại Việt Nam từ 1945 đến nay. Cập nhật những thành tựu và giới thiệu những gương mặt nhà văn hiện đại của Việt Nam cũng như các tác phẩm của họ. Phân tích sự phản ánh thực trạng xã hội Việt Nam qua văn học hiện đại

❖ Du lịch Việt Nam.

Giới thiệu tổng quan về thực trạng và tiềm năng du lịch của Việt Nam hiện nay trên các lĩnh vực

- Du lịch văn hóa
- Du lịch sinh thái
- Du lịch dưỡng sinh.

Tìm hiểu và phân tích các đặc điểm các tiềm năng khai thác du lịch tại Việt Nam. so sánh với tình hình du lịch của một số các nước Đông Nam Á khác

❖ Toàn cầu hóa

Môn học cung cấp cho sinh viên về khái niệm, nguyên nhân hình thành liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế; các dạng liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế tư nhân; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế nhà nước.

❖ Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam

Giới thiệu về các phân vùng văn hóa Việt Nam và đặc trưng văn hóa của từng vùng; trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tính đa dạng - một đặc trưng nổi trội của văn hóa Việt Nam, thông qua việc cung cấp kiến thức về các không gian văn hóa, văn hóa vùng.

❖ Các loại hình nghệ thuật biểu diễn Việt Nam

Giới thiệu các loại hình biểu diễn nghệ thuật truyền thống của Việt Nam (múa rối nước, cải lương, chèo, đờn ca tài tử, nhã nhạc cung đình Huế...); qua đó sinh viên được bổ trợ thêm các kiến thức tổng hợp về văn học, mỹ thuật, ca, múa, nhạc, kịch,...

❖ Kiến trúc Việt Nam

Cung cấp những kiến thức tổng quát về các loại hình kiến trúc Việt Nam (nhà ở, đình, chùa chiền...); giúp sinh viên nắm được những đặc điểm, quy luật nghệ thuật của kiến trúc Việt Nam theo tiến trình lịch sử. Qua đó thấy được bản sắc văn hóa Việt Nam trong việc tiếp biến những ảnh hưởng của kiến trúc ngoại lai và tính cách văn hóa Việt Nam qua mỹ thuật cũng như cách ứng xử với môi trường tự nhiên.

❖ Nghiệp vụ du lịch

Khái niệm cơ bản về du lịch như du lịch, loại hình du lịch, khách du lịch, tài nguyên du lịch, loại hình du lịch v.v...; Mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong hoạt động du lịch như khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thị trường du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam.

❖ Kinh tế Việt Nam

Cung cấp những kiến thức về sự phát triển của kinh tế Việt Nam. Đồng thời, môn học còn cung cấp các chính sách về kinh tế (phát triển kinh tế, tạo việc làm, tài khóa, tiền tệ, xuất khẩu lao động...) và thực trạng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

❖ Ngữ pháp Tiếng Việt

Cung cấp các kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp- ngữ nghĩa gồm: các đặc điểm ngữ pháp của từ về mặt cấu tạo; phân loại từ theo bản chất ngữ pháp thành từ loại; cấu tạo của ngữ chính phụ; câu, cú và ba bình diện nghiên cứu kết học, nghĩa học, dụng học của câu.

❖ Văn hóa dân gian Việt Nam

Cung cấp những kiến thức lý luận của hệ thống văn hóa dân gian., đặc trưng cơ bản của văn hoá dân gian, vai trò vị trí của văn hoá dân gian trong văn hoá dân tộc. Các

thành phố của văn hoá dân gian: Tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật dân gian, ngữ văn dân gian, trí thức dân gian...

Mối quan hệ của các loại hình văn hóa dân gian, sự tác động và quá trình vận động của các giá trị đó trong đời sống xã hội. Nhận diện các loại hình văn hóa dân gian trong đời sống đời thường.

❖ **Ẩm thực Việt Nam**

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản về Văn hoá ẩm thực Việt Nam, có so sánh với một số nước trong khu vực; nắm vững các cơ cấu và tính chất bữa ăn, không gian, thời gian, phong cách ăn uống truyền thống của người Việt Nam; xu thế biến đổi văn hoá ẩm thực của người Việt nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Cung cấp kiến thức về lịch sử trang phục và các đặc trưng văn hóa mặc của Việt nam

❖ **Đô thị Việt Nam**

Cung cấp những kiến thức về đô thị và văn hóa đô thị Việt Nam. Những đặc trưng của đô thị và văn hoá đô thị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, những đặc trưng về đời sống kinh tế - xã hội, văn hoá, tư tưởng, kết cấu dân cư. Những vấn đề của đô thị và văn hoá đô thị trong xã hội hiện đại.

❖ **Hán-Nôm cơ sở**

Giới thiệu cho SV những kiến thức về tiến trình phát triển của chữ Nôm thể hiện bằng những văn bản chữ Nôm suốt quá trình lịch sử của dân tộc; những đặc trưng, chức năng, phong cách ngôn ngữ, của các thể loại văn học (thơ, phú, truyện Nôm), văn bản hành chính, giao tiếp, giáo dục, học thuật, văn khắc thể hiện qua văn tự Nôm.

❖ **Nông thôn Việt Nam**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tiến trình lịch sử phát triển làng xã Việt Nam; Tình hình dân cư, cảnh quan đặc trưng của nông thôn Việt Nam hiện nay.; Cơ cấu kinh tế xã hội văn hóa của khu vực nông thôn; Các đặc điểm đặc trưng của các khu vực nông thôn khác nhau của Việt Nam(nông thôn Ven đô ,nông thôn Đồng Bằng nông thôn Miền núi, cao nguyên, nông thôn ven biển nông thôn Bắc Bộ , Nông thôn Trung Bộ , Nông thôn Nam Bộ...vv); Quan hệ giữa nông thôn và đô thị của Việt nam trong lịch sử và hiện tại,

Phong trào Nông thôn mới và tác động của phong trào này tới sự phát triển của nông thôn Việt Nam hiện nay .

❖ **Di sản văn hóa Việt nam**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về di sản vật thể và phi vật thể của Việt nam . Một số kiến thức cơ bản về công tác trùng tu, tôn tạo các di sản văn hóa dân tộc. Đồng thời, trang bị cho sinh viên phương pháp và khả năng cần thiết để nghiên cứu về di sản văn hóa của Việt nam

❖ **Các dân tộc Việt nam.**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về các tộc người của Việt nam (phân bố, nguồn gốc, các thực trạng kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử phát triển và lịch sử tham gia vào cộng đồng dân tộc Việt nam, vai trò của tộc người trong lịch sử phát triển của Việt nam

❖ **Khu vực ASEAN**

Cung cấp những kiến thức tổng quan về lịch sử phát triển văn hóa đông nam Á từ cổ đại đến hiện đại, những đặc trưng văn hóa của từng giai đoạn. giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển ASEAN, vai trò của văn hóa trong quá trình hình thành và phát triển đó. Sự hội nhập của Việt nam vào khu vực ASEAN và các tác động của hội nhập này với sự phát triển của Việt nam”

❖ **Xã hội học đại cương**

Tập trung nghiên cứu một số vấn đề về xã hội như: Lịch sử tư tưởng chính trị Đông -Tây và Việt Nam, vấn đề dân số...; vận dụng các giá trị đó vào thực tế; quy luật chung nhất về sự vận động và phát triển xã hội của đất nước.

❖ **Nghiệp vụ ngoại giao**

Cung cấp những kiến thức về ngoại giao, tính chất, yêu cầu, các hình thức ngoại giao, một số thuật ngữ ngoại giao, phép xã giao quốc tế.

❖ **Đàm phán quốc tế**

Cung cấp nội dung tổng quát nhất về quá trình đàm phán nói chung và đàm phán quốc tế nói riêng. Sinh viên được tiếp cận khái niệm về đàm phán, xây dựng tiến trình đàm phán, thảo luận ảnh hưởng của văn hóa đến quá trình đàm phán quốc tế, từ đó hiểu về quá trình đàm phán của Việt Nam trong thời kỳ mở cửa.

❖ **Lịch sử biên cương và lãnh thổ Việt Nam**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về quá trình hình thành, phát triển và lịch sử biên cương và lãnh thổ Việt nam .Bên cạnh đó môn học còn cung cấp thêm một số kiến thức cơ bản về chủ quyền biển đảo và văn hóa biển đảo Việt Nam.

❖ **Luật kinh doanh Việt Nam**

ÔNG
HỌ
C T
BÀI
★

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản khi chọn một hình thức sở hữu kinh doanh phù hợp khi gia nhập thị trường; nắm vững các điều kiện và thủ tục khi cần thay đổi hình thức sở hữu kinh doanh hoặc thay đổi quy mô công ty; phân định loại hình kinh doanh nào được phép và hành vi nào bị cấm khi tham gia các quan hệ kinh doanh-thương mại; chọn lựa một phương thức giải quyết tranh chấp có lợi cho mình nhất.

❖ Chính sách đối ngoại Việt Nam

Cung cấp các kiến thức về chính sách đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ; tìm hiểu các chủ chương về chính sách đối ngoại Việt Nam.

❖ Nhân học văn hóa

Cung cấp cho SV những kiến thức về sự tiến hóa của con người về mặt sinh học và văn hóa về tộc người và quá trình tộc người.

❖ Lịch sử tiếng Việt

Cung cấp những kiến thức về nguồn gốc, quá trình chuyển biến của tiếng Việt theo dòng lịch sử. Môn học cũng hướng tới trang bị cho sinh viên những phương pháp ngôn ngữ học thường dùng trong nghiên cứu lịch sử tiếng Việt.

❖ Thực tập tốt nghiệp:

Sinh viên được giới thiệu thực tập tại các cơ quan ngoại giao, kinh tế, du lịch; các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các công ty du lịch, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ ở trong và ngoài nước Việt Nam,..

❖ Khóa luận tốt nghiệp:

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận được phân công giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài và phải bảo vệ luận văn trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp theo thời gian quy định..

❖ Văn hóa ứng xử Việt Nam

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hoá ứng xử của người Việt: Văn hóa ứng xử trong gia đình; văn hóa ứng xử liên quan đến phong tục tập quán và nghi lễ vòng đời; văn hóa ứng xử thể hiện trong môi trường xã hội như trong đời sống cộng đồng, trong các công ty, công sở; văn hóa ứng xử thể hiện trong môi trường thiên nhiên và thế giới siêu nhiên.

❖ Phương pháp giảng dạy tiếng Việt

Môn học giới thiệu những đặc điểm của tiếng Việt như một ngoại ngữ; cách thức áp dụng phương pháp giao tiếp để giảng dạy bốn kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết cũng như cách ra bài kiểm tra và đánh giá trình độ tiếng Việt của người học.

